

SCI

Số ~~24.5~~ 2022/SCIEC - CBTT

(V/v: Báo cáo tài chính Hợp nhất
Quý IV năm 2021)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại – Giám đốc Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2021 của Công ty Cổ phần SCI E&C được lập ngày 20/01/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán Hợp nhất; Báo cáo kết quả kinh doanh Hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Hợp nhất; Thuyết minh báo cáo tài chính Hợp nhất.

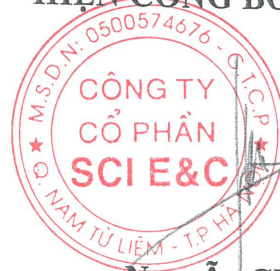
Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.scigroup.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Chính Đại

SCI

Số: 2.4/2022/SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2022.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C**

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần SCI E&C

Mã chứng khoán: **SCI**

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất quý IV 2021 chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	514,661,526,367	892,994,138,245	-42%
2	Giá vốn hàng bán	482,794,691,972	715,889,740,159	-33%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	12,819,356,866	88,889,001,494	-86%

Nguyên nhân :

Trong kỳ, Công ty triển khai nghiệm thu các hạng mục nhưng do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh, giãn cách xã hội và sự tăng giá của nguyên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá... nên Doanh thu, Giá vốn hàng bán và Lợi nhuận sau thuế giảm so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Chính Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10-45

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	MẪU SỐ B 01-DN	
			Đơn vị: VND	Đơn vị: VND
			31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,816,398,836,092	2,482,285,440,961
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	291,400,318,262	148,216,717,468
1. Tiền	111		141,400,318,262	148,216,717,468
2. Các khoản tương đương tiền	112		150,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	5,450,175,656	312,130,175,656
1. Chứng khoán kinh doanh	121		175,656	2,750,175,656
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,450,000,000	309,380,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		763,169,842,979	1,684,726,272,135
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	631,003,392,160	1,166,264,952,069
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	182,850,991,634	527,844,591,834
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	36,927,147,389	34,636,932,359
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(87,611,688,204)	(44,020,204,127)
IV. Hàng tồn kho	140	11	628,698,461,791	326,125,998,110
1. Hàng tồn kho	141		628,698,461,791	326,125,998,110
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		127,680,037,404	11,086,277,592
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	3,307,438	198,320,021
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125,027,195,797	10,835,219,675
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2,649,534,169	52,737,896
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		322,163,222,787	272,515,374,425
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,862,250,000	3,592,250,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	4,862,250,000	3,592,250,000
II. Tài sản cố định	220		217,128,078,346	259,691,983,553
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	163,599,480,880	207,343,234,373
- Nguyên giá	222		456,558,531,821	431,452,973,026
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(292,959,050,941)	(224,109,738,653)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	53,528,597,466	52,339,582,528
- Nguyên giá	225		96,909,174,376	72,254,980,002
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(43,380,576,910)	(19,915,397,474)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	9,166,652
- Nguyên giá	228		110,000,000	110,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(110,000,000)	(100,833,348)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		16,725,037,000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		16,725,037,000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	83,414,588,466	7,820,000,000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		77,414,588,466	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		6,000,000,000	7,820,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33,268,975	1,411,140,872
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	29,503,635	49,703,333
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	34.a	3,765,340	1,361,437,539
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,138,562,058,879	2,754,800,815,386


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,685,671,251,327	2,374,850,835,349
I. Nợ ngắn hạn	310		1,558,668,596,108	2,197,168,878,768
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	614,787,769,133	233,398,921,422
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	259,746,446,885	1,201,533,012,924
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	3,792,241,386	23,093,695,132
4. Phải trả người lao động	314		38,472,805,215	37,547,965,669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	101,811,005,862	84,213,394,771
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	26,278,054,978	66,957,897,315
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	495,529,238,754	535,846,646,599
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	6,808,863,248	10,484,219,759
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11,442,170,647	4,093,125,177
II. Nợ dài hạn	330		127,002,655,219	177,681,956,581
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	64,908,444,812	102,293,936,075
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		454,733,355	-
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	61,639,477,052	75,388,020,506
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		452,890,807,552	379,949,980,037
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	452,890,807,552	379,949,980,037
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254,098,470,000	127,048,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254,098,470,000	127,048,810,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3,830,997,949)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9,560,557,541	9,560,557,541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		193,062,777,960	243,340,612,496
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		57,777,788,946	59,614,475,736
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		135,284,989,014	183,726,136,760
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2,138,562,058,879	2,754,800,815,386



Bùi Thị Hoa
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 Năm 2021		Quý 4 Năm 2020		Năm 2021		Năm 2020	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	514,661,526,367	892,994,138,245	6,296,070,159,805	1,544,831,301,944				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	-	-	-	72,465,120				
- Chiết khấu thương mại			-	-	-	-				
- Hàng bán bị trả lại			-	-	-	-				
- Giảm giá hàng bán			-	-	-	-				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		514,661,526,367	892,994,138,245	6,296,070,159,805	1,544,758,836,824				
4. Giá vốn hàng bán	11	27	482,794,691,972	715,889,740,159	6,039,066,285,742	1,153,848,968,432				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31,866,834,395	177,104,398,086	257,003,874,063	390,909,868,392				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	19,913,120,971	15,530,789,968	92,061,826,046	33,933,135,868				
7. Chi phí tài chính	22	29	30,101,957,441	49,131,365,208	86,303,657,170	102,599,435,689				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9,839,824,585	12,500,534,075	58,305,244,225	43,562,251,961				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		7,473,126,870	-	2,414,588,466	-				
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	15,185,978,369	30,881,536,709	97,900,341,657	91,503,913,543				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		13,965,146,426	112,622,286,137	167,276,289,748	230,739,655,028				
12. Thu nhập khác	31	31	921,591,118	115,500	1,385,815,519	319,850,127				
13. Chi phí khác	32	32	(369,396,307)	1,339,808,401	235,976,920	1,374,129,922				

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
Phường Mỹ Trí, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

				MÃ SỐ B 02-DN Đơn vị: VND
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	1,290,987,425	(1,339,692,901)	1,149,838,599 (1,054,279,795)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	15,256,133,851	111,282,593,236	168,426,128,347 229,685,375,233
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	22,518,541,998	31,336,762,504
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34.b	(124,950,256)	1,812,405,554 (1,271,875,937)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	12,819,356,866	88,889,001,494	135,276,960,289 183,726,136,760
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	12,819,356,866	88,889,001,494	135,276,960,289
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	6,996	5,890 14,461

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		168,426,128,347	229,685,375,233
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		96,498,072,758	90,197,425,270
- Các khoản dự phòng	03		28,441,250,886	114,769,341,114
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(48,291,319,563)	(380,690,763)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		13,067,060,985	(21,169,927,583)
- Chi phí lãi vay	06		58,305,244,225	43,562,251,961
13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		316,446,437,638	456,663,775,232
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		851,461,341,600	(1,314,684,455,352)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(295,802,929,387)	(81,516,417,214)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(651,591,371,281)	1,223,983,756,972
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		215,212,281	320,373,986
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		2,750,000,000	101,249,824,344
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55,079,645,351)	(43,420,071,923)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(53,109,739,169)	(26,696,997,067)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115,289,306,331	315,899,788,978
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(78,738,284,867)	(182,152,351,508)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		6,439,539,877	4,981,326,608
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(251,380,000,000)	(1,295,840,433,924)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		557,130,000,000	989,410,433,924
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		500,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		911,396,783	9,582,631,060
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		159,862,651,793	(474,018,393,840)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		123,218,662,051	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		5,314,972,366,101	1,429,225,822,013
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5,348,505,862,388)	(1,191,364,644,972)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(44,169,402,821)	(16,366,430,975)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(177,347,722,150)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(131,831,959,207)	221,494,746,066

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

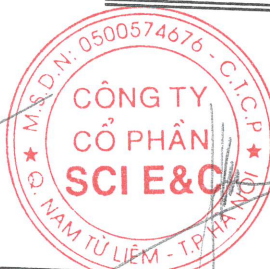
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		143,319,998,917	63,376,141,204
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		148,216,717,468	84,416,304,159
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(136,398,123)	424,272,105
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>291,400,318,262</u>	<u>148,216,717,468</u>

Bùi Thị Hoa
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 05/05/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 254.098.470.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 254.098.470.000 đồng; tương đương 25.409.847 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng đỡ hoặc phá hủy các công trình xây dựng từ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê ô tô.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cấu trúc Tập đoàn**Tổng số công ty con:**

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 (một);
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: không.

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100%	100%	Xây lắp

Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Nghệ An	20.41%	20.41%	Sản xuất kinh doanh điện

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể Đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn

04 - 08 năm

08 năm

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1,341,851,618	5,046,531,648
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	140,058,466,644	143,170,185,820
Các khoản tương đương tiền	150,000,000,000	-
	291,400,318,262	148,216,717,468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	5,450,000,000	5,450,000,000	309,380,000,000	309,380,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	5,450,000,000	5,450,000,000	1,380,000,000	1,380,000,000
Trái phiếu	-	-	308,000,000,000	308,000,000,000
Đầu tư dài hạn	6,000,000,000	6,000,000,000	7,820,000,000	7,820,000,000
Trái phiếu	6,000,000,000	6,000,000,000	7,820,000,000	7,820,000,000
	11,450,000,000	11,450,000,000	317,200,000,000	317,200,000,000

Khoản đầu tư trái phiếu tại ngày 31/12/2021 bao gồm 6 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 7 năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu GEX	175,656	-	175,656	-
Cổ phiếu MHC	-	-	2,750,000,000	-
	175,656	-	2,750,175,656	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty cổ phần SCI	426,794,506,067	(72,607,375,690)	448,146,226,401	(25,985,453,935)
Công ty CP năng lượng	3,692,135,913	-	250,491,467,600	-
Gelex Quảng Trị				
Công ty TNHH Điện gió	69,133,659,319	-	240,331,714,377	-
Hướng Phùng				
Công ty CP điện gió	-	-	38,971,611,577	-
Hướng Linh 7				
Chi nhánh TCT CP	45,772,580,674			
Dịch vụ Kỹ thuật Dầu				
khí Việt Nam			50,268,408,184	-
Công ty Cổ phần SCI	25,952,572,536		43,943,000,172	-
Lai Châu				
Các khoản phải thu khách	59,657,937,651	(14,620,771,304)	94,112,523,758	(17,651,208,982)
hàng khác				
	631,003,392,160	(87,228,146,994)	1,166,264,952,069	(43,636,662,917)

Phải thu khách hàng là các bên liên quan **454,322,078,603**

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

503,084,226,497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Enercon GmbH	-	-	341,989,975,955	-
Công ty CP Thiết bị và Dịch vụ TCE	-	-	64,064,130,100	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức	12,161,657,000	-	13,925,000,000	-
Voith Hydro Private Limited	78,772,640,811	-	17,731,631,513	-
Voith Hydro S.L (VHTO)	12,830,649,155	-	-	-
Trả trước khác	79,086,044,668	-	90,133,854,266	-
	182,850,991,634	-	527,844,591,834	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	834,723,182	-	788,157,839	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
Phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	376,886,548	-	11,718,405,542	-
Phải thu người lao động	3,083,924,050	-	2,724,607,844	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	4,057,350	-
Tạm ứng	9,403,800,758	-	8,143,198,287	-
Ký cược, ký quỹ	10,000,000	-	37,500,000	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	5,983,582,606	-	5,483,742,274	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	6,113,354,217	-	2,795,222,491	-
Phải thu khác	11,955,599,210	(383,541,210)	3,730,198,571	(383,541,210)
	36,927,147,389	(383,541,210)	34,636,932,359	(383,541,210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	4,862,250,000	-	3,592,250,000	-
	4,862,250,000	-	3,592,250,000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
10 . NỢ XẤU

MÃU SỐ B 09-DN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6,248,083,094	-	6,248,083,094	-
Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3,425,189,422	-	3,425,189,422	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	-	7,589,191,360	-
Dự án Thủy điện Nam Thuen - Công ty Cổ phần SCI	107,315,028,735	34,707,653,045	51,970,907,869	4,201,784,044
Đối tượng khác	5,331,039,998	-	5,956,965,112	25,985,453,934
	122,319,341,249	34,707,653,045	75,190,336,857	31,170,132,730

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	56,597,099,756	-	99,640,011,764	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	572,101,362,035	-	226,485,986,346	-
	628,698,461,791	-	326,125,998,110	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2021	11,221,128,927	329,806,081,086	88,687,956,568	1,601,806,445	136,000,000	431,452,973,026					
Mua sắm	-	34,151,698,947	2,505,536,364	-	-	36,657,235,311					
Phân loại lại	-	(1,935,454,545)	1,935,454,545	-	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(10,011,140,152)	(1,540,536,364)	-	-	-					
Tại ngày 31/12/2021	11,221,128,927	352,011,185,336	91,588,411,113	1,601,806,445	136,000,000	456,558,531,821					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2021	7,639,749,911	147,176,344,596	68,191,920,083	988,390,763	113,333,300	224,109,738,653					
Trích khấu hao	280,528,224	59,801,921,287	12,354,741,781	435,202,012	22,666,700	72,895,060,004					
Tăng khác (Mua TSCĐ thuê tài chính)	-	-	128,666,666	-	-	128,666,666					
Phân loại lại	-	(1,441,161,647)	1,441,161,647	-	-	-					
Thanh lý, nhượng bán	-	(4,022,169,300)	(152,245,082)	-	-	-					
Tại ngày 31/12/2021	7,920,278,135	201,514,934,936	81,964,245,095	1,423,592,775	136,000,000	292,959,050,941					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2021	3,581,379,016	182,629,736,490	20,496,036,485	613,415,682	22,666,700	207,343,234,373					
Tại ngày 31/12/2021	3,300,850,792	150,496,250,400	9,624,166,018	178,213,670	-	163,599,480,880					
<i>Trong đó:</i>											
- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:				90.420.163.337							
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				162.365.806.250							

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	62,276,055,093	9,978,924,909	72,254,980,002
Thuê tài chính	20,935,103,466	4,420,909,090	25,356,012,556
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(701,818,182)	(701,818,182)
Tại ngày 31/12/2021	83,211,158,559	13,698,015,817	96,909,174,376
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	19,164,072,454	751,325,020	19,915,397,474
Trích khấu hao	21,036,656,588	2,557,189,514	23,593,846,102
Giảm khác	-	(128,666,666)	(128,666,666)
Tại ngày 31/12/2021	40,200,729,042	3,179,847,868	43,380,576,910
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	43,111,982,639	9,227,599,889	52,339,582,528
Tại ngày 31/12/2021	43,010,429,517	10,518,167,949	53,528,597,466

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2021	110,000,000	110,000,000
Tại ngày 31/12/2021	110,000,000	110,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2021	100,833,348	100,833,348
Trích khấu hao	9,166,652	9,166,652
Tại ngày 31/12/2021	110,000,000	110,000,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	9,166,652	9,166,652
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.000.000 đồng.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3,307,438	198,320,021
	3,307,438	198,320,021
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	29,503,635	49,703,333
	29,503,635	49,703,333

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI	19,828,883,682	19,828,883,682	14,704,027,727	14,704,027,727
Công ty CP Thương mại và Sản xuất HTD	11,494,469,902	11,494,469,902	9,358,736,707	9,358,736,707
Công ty TNHH Phú Bảo Hân	34,487,033,642	34,487,033,642	7,751,804,764	7,751,804,764
Enercon GmbH	141,118,335,791	141,118,335,791	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	16,864,140,121	16,864,140,121	14,704,027,727	14,704,027,727
Công ty CP thiết bị và dịch vụ TCE	49,040,187,999	49,040,187,999	-	-
Công ty TNHH Lộc Phát	7,055,715,480	7,055,715,480	17,177,165,643	17,177,165,643
Công ty TNHH ENERCON Vietnam	85,797,067,934	85,797,067,934	-	-
Voith Hydro Private Limited	16,537,416,419	16,537,416,419	5,191,315,574	5,191,315,574
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	17,428,359,200	17,428,359,200	898,448,320	898,448,320
Công ty cổ phần thiết bị điện	21,489,590,742	21,489,590,742	-	-
Công ty CP vận tải đa phương thức Vietranstimex	18,911,108,428	18,911,108,428	1,090,623,100	1,090,623,100
Công ty CP TS invest	14,788,754,120	14,788,754,120	7,488,385,986	7,488,385,986
Các khoản phải trả khác	159,946,705,673	159,946,705,673	155,034,385,874	155,034,385,874
	614,787,769,133	614,787,769,133	233,398,921,422	233,398,921,422
	36,744,534,800	36,744,534,800	34,721,488,052	34,721,488,052

Phải trả người bán là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		436,095,307,597		435,918,617,934		2,649,534,169		2,826,223,832	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		496,720,222		496,720,222		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		22,573,780,836		31,336,762,504		53,108,779,209		-		801,764,131	
Thuế Thu nhập cá nhân	11,402,841		475,119,246		5,366,005,065		5,711,387,522		-		118,333,948	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	41,335,055		-		42,459,480		-		-		1,124,425	
Các loại thuế khác	-		-		7,016,000		7,016,000		-		5,190,507	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		5,190,507		6,675,858		6,675,858		-		39,604,543	
	52,737,896		23,093,695,132		473,350,946,726		495,249,196,745		2,649,534,169		3,792,241,386	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021
MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Điện gió Hướng Phùng	-	471,060,049,797
Công ty CP điện gió Hướng Linh 8	-	102,607,579,145
Công ty CP SCI Lai Châu	186,141,011,581	216,908,153,633
Công ty CP điện gió Hướng Linh 7	-	127,534,685,777
Công ty CP năng lượng Gelex Quảng Trị	-	259,000,000,000
Công ty cổ phần điện gió Hướng Linh 4	45,123,904,063	-
Phải thu khách hàng khác	28,481,531,241	24,422,544,572
	259,746,446,885	1,201,533,012,924
	186,141,011,581	216,908,153,633

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4,271,770,599	1,046,171,725
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	97,539,235,263	83,144,352,841
Chi phí phải trả khác	-	22,870,205
	101,811,005,862	84,213,394,771

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	890,809,704	863,132,930
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	19,338,289,800	20,513,137,597
Phải trả tiền nhân công đội xây dựng	-	41,487,060,229
Cổ tức phải trả	521,206,850	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,527,748,624	4,094,566,559
	26,278,054,978	66,957,897,315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	476,818,535,099	476,818,535,099	5,108,199,681,310	5,131,892,158,604	453,126,057,805	453,126,057,805
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	406,027,762,901	406,027,762,901	4,534,249,681,310	4,859,051,386,406	81,226,057,805	81,226,057,805
- Vay ngắn hạn cá nhân ⁽³⁾	37,290,772,198	37,290,772,198	-	37,290,772,198	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO & MORE	31,500,000,000	31,500,000,000	573,950,000,000	233,550,000,000	371,900,000,000	371,900,000,000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	41,819,400,000	41,819,400,000	41,031,717,860	65,666,248,424	17,184,869,436	17,184,869,436
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	36,545,000,000	36,545,000,000	37,183,428,873	57,874,325,737	15,854,103,136	15,854,103,136
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	5,154,400,000	5,154,400,000	2,517,522,687	7,671,922,687	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội ⁽⁷⁾	120,000,000	120,000,000	1,330,766,300	120,000,000	1,330,766,300	1,330,766,300
Nợ thuế tài chính đến hạn trả						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội ⁽⁷⁾	17,208,711,500	17,208,711,500	27,755,904,353	19,746,304,340	25,218,311,513	25,218,311,513
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽⁸⁾	9,915,737,500	9,915,737,500	9,915,737,500	9,915,737,500	9,915,737,500	9,915,737,500
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁹⁾	6,281,392,000	6,281,392,000	16,828,586,853	8,818,984,840	14,290,994,013	14,290,994,013
	1,011,582,000	1,011,582,000	1,011,580,000	1,011,582,000	1,011,580,000	1,011,580,000
	535,846,646,599	535,846,646,599	5,176,987,303,523	5,217,304,711,368	495,529,238,754	495,529,238,754

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
Phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	MẪU SỐ B 09-DN	
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Vay dài hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	106,403,749,550 97,281,060,563	106,403,749,550 97,281,060,563
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	7,671,922,687	7,671,922,687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	1,450,766,300	1,450,766,300
Nợ thuê tài chính dài hạn		
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội ⁽⁷⁾	54,918,298,025 31,669,465,625	54,918,298,025 31,669,465,625
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ⁽⁸⁾	18,190,922,400	18,190,922,400
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽⁹⁾	5,057,910,000	5,057,910,000
	161,322,047,575	161,322,047,575
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	59,028,111,500	59,028,111,500
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	102,293,936,075	102,293,936,075
	109,835,651,245	109,835,651,245
	68,787,622,213	85,412,552,764
	107,311,625,761	107,311,625,761
	42,403,180,949	42,403,180,949
	64,908,444,812	64,908,444,812

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

Lãi suất các khoản vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ.

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Đư nợ gốc tại ngày 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/218/05/2021	3,630,468,747,000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Thời hạn cấp tín dụng đến 30/04/2021	81,226,057,805	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Vay cá nhân Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm				371,900,000,000 371,900,000,000	

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Đư nợ gốc tại ngày 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2020/283367 /HĐTĐ ngày 27/04/2020	34,400,000,000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	39,406,734,826	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2020/283367 /HĐTĐ ngày 06/04/2020	35,700,000,000	Mua sắm máy móc thiết bị thi công	36 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	22,498,226,426	Tài sản hình thành từ vốn vay
					16,908,508,400	Tài sản hình thành từ vốn vay

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MÃ SỐ B 09-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
 phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MÃ SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVDADDT /NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018 Phụ lục 01 Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVDADDT/NHCT146-SCI E&C ngày 25/06/2018 Hợp đồng vay số 07/2020- HĐCVDADT/NHCT146-SCI E&C ngày 28/04/2020	9,500,000,000 4,435,766,300 595,000,000	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018 Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018 Thanh toán mua xe HILUX 2.4	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1,330,766,300 697,766,300 218,000,000 415,000,000	Tài sản hình thành từ vốn vay Tài sản hình thành từ vốn vay Tài sản hình thành từ vốn vay

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính

7	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội Hợp đồng thuê tài chính số 21719000076 /HĐCTTC ngày 03/05/2019 Hợp đồng thuê tài chính số 217190000230 /HĐCTTC ngày 28/10/2019 Hợp đồng thuê tài chính số 217190000327 /HĐCTTC ngày 26/12/2019 Hợp đồng thuê tài chính số 217200000001 /HĐCTTC ngày 06/01/2020	15,652,000,000 13,892,400,000 7,536,100,000 5,712,850,000	Phục vụ thi công xây dựng Phục vụ thi công xây dựng Phục vụ thi công xây dựng Phục vụ thi công xây dựng	60 tháng kể từ ngày nhận nợ 48 tháng kể từ ngày nhận nợ 48 tháng kể từ ngày nhận nợ 48 tháng kể từ ngày nhận nợ	21,753,728,125 7,826,000,000 6,946,200,000 3,768,050,000 3,213,478,125	
---	---	--	--	--	--	--

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại ngày 31/12/2021	Phương thức bảo đảm tiền vay
8	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam					
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.079/2020 /TSC-CTTC ngày 13/07/2020	870,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	43,553,669,510 306,620,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.087/2020 /TSC-CTTC ngày 04/08/2020	592,840,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	267,280,400	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.093/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	660,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	310,580,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.094/2020 /TSC-CTTC ngày 18/08/2020	7,536,100,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	398,350,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.113/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	1,380,160,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	667,816,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.048/2021 /TSC-CTTC ngày 26/04/2021	701,250,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	581,010,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.115/2020 /TSC-CTTC ngày 29/09/2020	745,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	364,216,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.122/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2,424,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,206,820,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.123/2020 /TSC-CTTC ngày 16/10/2020	2,577,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,122,000,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.129/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1,700,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	760,220,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.130/2020 /TSC-CTTC ngày 12/11/2020	1,100,200,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	561,500,000	
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.131/2020 /TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2,966,285,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,559,268,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Phương thức bảo đảm tiền vay
8	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (tiếp theo)				306,620,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.109/2020/TSC-CTTC ngày 16/11/2020	2,664,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,461,399,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.132/2020/TSC-CTTC ngày 18/11/2020	2,850,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,498,260,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.147/2020/TSC-CTTC ngày 11/12/2020	1,957,865,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,073,838,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.0006/2021/TSC-CTTC ngày 29/01/2021	6,583,493,864	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	3,761,850,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.026/2021/TSC-CTTC ngày 02/02/2021	11,682,993,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	11,682,993,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.043/2021/TSC-CTTC ngày 19/04/2021	907,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	747,360,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.096/2021/TSC-CTTC ngày 20/08/2021	730,400,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	669,530,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.099/2021/TSC-CTTC ngày 08/09/2021	2,520,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,376,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.101/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	600,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	582,857,140
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.104/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2,364,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,296,457,140
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.116/2021/TSC-CTTC ngày 30/12/2021	980,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	980,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.114/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1,083,469,950	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,083,469,950
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.113/2021/TSC-CTTC ngày 13/12/2021	1,785,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,785,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.102/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	1,312,500,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,273,897,060

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
 phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Phương thức bảo đảm tiền vay
8	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (tiếp theo)				1,461,399,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 02.103/2021/TSC-CTTC ngày 27/09/2021	2,480,000,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2,407,058,820
9	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				3,034,746,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.05/CTTC ngày 19/11/2020	2,201,628,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,287,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.06/CTTC ngày 19/11/2020	2,201,628,000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1,287,000,000
	Hợp đồng thuê tài chính số 124.20.07/CTTC ngày 19/11/2020	788,182,824	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	460,746,000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
Phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

- a) **Dự phòng phải trả ngắn hạn**
Trích quỹ tiền lương dự phòng

<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
VND	VND
6,808,863,248	10,484,219,759
<u><u>6,808,863,248</u></u>	<u><u>10,484,219,759</u></u>

- b) **Dự phòng phải trả dài hạn**
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

61,639,477,052	75,388,020,506
<u><u>61,639,477,052</u></u>	<u><u>75,388,020,506</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Từ 01/01/2020 đến 31/12/2020									
Tại ngày 01/01/2020	120,999,680,000	-	-	-	9,560,557,541	-	67,501,807,740	-	198,062,045,281
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	183,726,136,760	-	183,726,136,760
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(1,682,202,004)	-	(1,682,202,004)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	6,049,130,000	-	-	-	-	-	(6,049,130,000)	-	-
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	-	(156,000,000)	-	(156,000,000)
Tại ngày 31/12/2020	127,048,810,000	-	-	-	9,560,557,541	-	243,340,612,496	-	379,949,980,037
Năm 2021									
Tại ngày 01/01/2021	127,048,810,000	-	-	-	9,560,557,541	-	243,340,612,496	-	379,949,980,037
Tăng vốn trong kỳ này	127,049,660,000	(3,830,997,949)	-	-	-	-	-	-	123,218,662,051
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	135,276,960,289	-	135,276,960,289
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(7,349,045,470)	-	(7,349,045,470)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(144,820,355)	-	(144,820,355)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(177,868,929,000)	-	(177,868,929,000)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	-	-	-	(192,000,000)	-	(192,000,000)
Tại ngày 31/12/2021	254,098,470,000	(3,830,997,949)	-	-	9,560,557,541	-	193,062,777,960	-	452,890,807,552

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-SCIEC-DHĐCĐ ngày 12/04/2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		183,726,136,760
Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách		192,000,000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7,349,045,470
Chi trả cổ tức bằng tiền (70% vốn điều lệ)	70%	177,868,929,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Năm 2020				
Trả cổ tức bằng cổ phiếu				-
Năm 2021				
Trả cổ tức bằng cổ phiếu				-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2020/NQ-SCI E&C-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo riêng		42,055,050,105
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1,682,202,004
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 5% vốn điều lệ)	4.00%	6,049,130,000
Lợi nhuận chưa phân phối		34,323,718,101

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
Phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	59.06%	150,070,250,000	60.50%	76,865,250,000
Vốn góp của các cổ đông khác	40.94%	104,028,220,000	39.50%	50,183,560,000
	100%	254,098,470,000	100%	127,048,810,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	127,048,810,000	120,999,680,000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	127,048,810,000	120,999,680,000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	127,049,660,000	-
	254,098,470,000	120,999,680,000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	25,409,847	12,704,881
- <i>Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết</i>	25,409,847	12,704,881
- <i>Cổ phiếu chờ niêm yết bổ sung do trả cổ tức năm 2020</i>	25,409,847	12,099,968
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	604,913
- <i>Cổ phiếu phổ thông đã niêm yết</i>	25,409,847	12,704,881
- <i>Cổ phiếu chờ niêm yết bổ sung do trả cổ tức năm 2020</i>	25,409,847	12,099,968
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	-	604,913
	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9,560,557,541	9,560,557,541
	9,560,557,541	9,560,557,541

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
Đồng đô la Mỹ (USD)	9,309.55	19,418.91
Kip Lào (Lak)	11,339,000.00	242,718,126.00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ
Doanh thu hợp đồng xây dựng

Năm 2021	Năm 2020
VND	VND
66,874,891,689	7,267,274,410
6,229,195,268,116	1,537,564,027,534
6,296,070,159,805	1,544,831,301,944
725,353,649,093	832,091,895,433

Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 40.)

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Hàng bán bị trả lại

Năm 2021	Năm 2020
VND	VND
-	72,465,120
-	72,465,120

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp
Giá vốn hợp đồng xây dựng

Năm 2021	Năm 2020
VND	VND
60,611,614,558	5,579,519,012
5,978,454,671,184	1,148,269,449,420
6,039,066,285,742	1,153,848,968,432

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, lãi cho vay
Lãi bán các khoản đầu tư
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm

Năm 2021	Năm 2020
VND	VND
3,558,602,415	20,914,424,328
2,513,424,583	9,549,195,335
5,128,611,470	-
32,532,512,204	3,088,825,442
48,328,675,374	380,690,763
92,061,826,046	33,933,135,868

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và
tồn thất đầu tư
Chi phí tài chính khác

Năm 2021	Năm 2020
VND	VND
58,305,244,225	43,562,251,961
25,843,000,000	56,253,951,996
1,821,682,689	2,660,649,743
37,355,811	-
-	(3,380,000,000)
296,374,445	3,502,581,989
86,303,657,170	102,599,435,689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	8,453,972,169	4,184,788,500
Chi phí nhân công	21,614,160,152	24,265,469,904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,701,982,632	8,352,763,405
Thuế, phí, lệ phí	8,962,819,402	3,251,083,488
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	39,916,127,566	38,037,608,321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,374,405,045	9,545,526,152
Chi phí khác bằng tiền	6,876,874,691	3,866,673,773
	97,900,341,657	91,503,913,543

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	255,503,255
Thu nhập khác	1,385,815,519	64,346,872
	1,385,815,519	319,850,127

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	100,004,075	-
Các khoản bị phạt	111,207,395	1,369,448,559
Chi phí khác	24,765,450	4,681,363
	235,976,920	1,374,129,922

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	168,426,128,347	229,685,375,233
Các khoản điều chỉnh tăng	273,994,185	-
- Chi phí không hợp lệ	136,065,331	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	137,928,854	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1,675,339,279)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1,675,339,279)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	167,024,783,253	229,685,375,233
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31,336,762,504	47,231,114,410
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1,036,212,820
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	22,573,780,836	2,039,663,493
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(53,108,779,209)	(27,733,209,887)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	801,764,131	22,573,780,836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3,765,340	1,361,437,539
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3,765,340	1,361,437,539

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	454,733,355	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	454,733,355	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	1,812,405,554	(1,271,875,937)
	1,812,405,554	(1,271,875,937)

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	135,276,960,289	183,726,136,760
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	135,276,960,289	183,726,136,760
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	22,966,584	12,704,881
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5,890	14,461

36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4,046,780,386,279	529,375,450,277
Chi phí nhân công	429,700,322,791	324,902,269,544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96,570,394,761	90,197,425,270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,890,050,532,481	586,686,537,964
Chi phí khác bằng tiền	27,788,618,847	10,916,149,938
	6,490,890,255,158	1,542,077,832,993

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	291,400,318,262	-	148,216,717,468	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	672,792,789,549	(87,611,688,204)	1,204,494,134,428	(44,020,204,127)
Đầu tư ngắn hạn	5,450,175,656	-	312,130,175,656	-
Đầu tư dài hạn	6,000,000,000	-	7,820,000,000	-
	<u>975,643,283,467</u>	<u>(87,611,688,204)</u>	<u>1,672,661,027,552</u>	<u>(44,020,204,127)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2021	01/01/2021
Nợ phải trả tài chính			VND	VND
Vay và nợ			560,437,683,566	638,140,582,674
Phải trả người bán, phải trả khác			641,065,824,111	300,356,818,737
Chi phí phải trả			101,811,005,862	84,213,394,771
			<u>1,303,314,513,539</u>	<u>1,022,710,796,182</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	291,400,318,262	-	-	291,400,318,262
Phải thu khách hàng, phải thu khác	580,318,851,345	4,862,250,000	-	585,181,101,345
Đầu tư ngắn hạn	5,450,175,656	-	-	5,450,175,656
Đầu tư dài hạn	-	6,000,000,000	-	6,000,000,000
	<u>877,169,345,263</u>	<u>10,862,250,000</u>	-	<u>888,031,595,263</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 01/01/2021

Tiền và các khoản tương đương tiền	148,216,717,468	-	-	148,216,717,468
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1,156,881,680,301	3,592,250,000	-	1,160,473,930,301
Đầu tư ngắn hạn	312,130,175,656	-	-	312,130,175,656
Đầu tư dài hạn	-	7,820,000,000	-	7,820,000,000
	1,617,228,573,425	11,412,250,000	-	1,628,640,823,425

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	495,529,238,754	64,908,444,812	-	560,437,683,566
Phải trả người bán, phải	641,065,824,111	-	-	641,065,824,111
Chi phí phải trả	101,811,005,862	-	-	101,811,005,862
	1,238,406,068,727	64,908,444,812	-	1,303,314,513,539
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	535,846,646,599	102,293,936,075	-	638,140,582,674
Phải trả người bán, phải	300,356,818,737	-	-	300,356,818,737
Chi phí phải trả	84,213,394,771	-	-	84,213,394,771
	920,416,860,107	102,293,936,075	-	1,022,710,796,182

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		725,353,649,093	832,091,895,433
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	637,004,254,749	602,897,985,553
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3,695,454,545	7,404,545,455
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	84,653,939,799	221,789,364,425
Mua hàng hóa, dịch vụ		27,487,341,984	17,373,860,974
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	78,824,456,221	19,280,449,039
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	2,269,241,172	721,621,133
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	25,218,100,812	16,652,239,841

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải thu khách hàng		454,322,078,603	503,084,226,497
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	426,794,506,067	448,146,226,401
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	25,952,572,536	43,943,000,172
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1,575,000,000	10,994,999,924
Ứng trước cho nhà cung cấp		834,723,182	788,157,839
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Công ty mẹ	668,284,542	736,646,842
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	166,438,640	51,510,997
Phải trả người bán		36,744,534,800	34,721,488,052
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	19,828,883,682	20,017,460,325
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	16,864,140,121	14,704,027,727
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51,510,997	-
Người mua trả tiền trước		186,141,011,581	216,908,153,633
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	186,141,011,581	216,908,153,633

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2,846,373,822	2,993,514,796
Ông Phan Thanh Hải		634,246,014	607,305,804
Ông Nguyễn Chính Đại		770,259,522	724,118,653
Ông Nguyễn Công Hùng		161,557,693	185,093,058
Ông Nguyễn Văn Phúc		124,000,000	164,000,000
Ông Triệu Quang Hà		-	21,000,000
Ông Nguyễn Tài Sơn		96,000,000	51,000,000
Ông Nguyễn Quang Thiện		64,000,000	-
Ông Nguyễn Cao Hải		544,856,337	590,699,586
Ông Nguyễn Công Hòa		451,454,256	650,297,695

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).



Bùi Thị Hoa
Người lập



Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2022